

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/6/2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương

Ông Nguyễn Văn Đồi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/05/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1981. Địa chỉ: tổ M phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

*Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1979. Địa chỉ: tổ M phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19/2/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và Ông Nguyễn Văn A có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2003, theo giấy đăng ký kết hôn số 20 quyển số 01/2003. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A không chăm chỉ làm ăn, thường xuyên say xỉn, hay tìm cớ gây gổ, chửi mắng và đánh đập tôi. Nay tôi nhận thấy không còn yêu thương ông A nữa đề nghị cho tôi được ly hôn với ông A.

Về con chung: Tôi và Ông Nguyễn Văn A có 03 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/07/1998, Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005, con chung Nguyễn Văn Đ bị bệnh tâm thần từ nhỏ nên tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 03 cháu. Tôi không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung

** Đối với bị đơn – Ông Nguyễn Văn A mặc dù đã được Tòa án đã giao các thông báo Thụ lý, về các phiên hòa giải nhưng ông A đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Do vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông A theo thủ tục chung.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; riêng bị đơn – Ông Nguyễn Văn A không có mặt tại các phiên hòa giải, không có mặt các phiên tòa. Ông Anh không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51,56,81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với Ông Nguyễn Văn A xử bà Nguyễn Thị Thu P được ly hôn với Ông Nguyễn Văn A.

Về con chung: giao 03 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/07/1998, Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005 cho bà Nguyễn Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 con chung Kim B và Văn Đức đủ 18 tuổi (con chung Nguyễn Văn Đ bị bệnh tâm thần từ nhỏ, bà P tự nguyện nuôi cháu Đ cho đến khi cháu Đ hết bệnh). Ông A không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Thu P khai không có nên không đề cập giải quyết. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Thu P khai không có nợ chung nên không xem xét. Sau này ông A có tranh chấp về nợ chung và tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu P nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2003, theo giấy đăng ký kết hôn số 20 quyển số 01/2003. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được chính quyền địa phương phường Nại Hiên Đông quận Sơn Trà cung cấp, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A có hộ khẩu thường trú tại tổ M. Quá trình sinh sống tại địa phương giữa ông A và bà P có nhiều mâu thuẫn, nhiều lần vợ chồng có cãi vã, tranh chấp với nhau. Hiện nay ông A và bà P đã sống ly thân, ông A đang sống tại số nhà N đường Nại Hiên Đ còn bà P và 03 đứa con sống tại nơi khác. Về con chung, ông A và bà P có 03 con chung tên là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/07/1998, Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005. Cháu Nguyễn Văn Đ bị bệnh tâm thần. Hiện 03 cháu đang sống với bà P. Nếu bà P yêu cầu ly hôn với ông A thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía ông A, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng Ông Nguyễn Văn A đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy Ông Nguyễn Văn A không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu P xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 con chung tên: là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/07/1998 (bị bệnh tâm thần từ nhỏ), Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thu P thì thấy: Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận hiện nay cả 03 cháu cháu Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Văn Đ đang ở chung với bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà P trình bày bà đảm bảo điều kiện kinh tế và chỗ ở để nuôi dạy các con vì các con đang nhỏ tuổi nên cần được sự chăm sóc của mẹ. Riêng cháu Đ bị bệnh tâm thần từ nhỏ nên bà P tự nguyện nuôi cháu đến khi cháu Đ hết bệnh. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu P là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Thu P xác nhận vợ chồng bà không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu P khai không có nợ chung.

Nếu sau này Ông Nguyễn Văn A có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng Nguyễn Thị Thu P phải nộp nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp tại biên lai thu số 0007618 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của bà Nguyễn Thị Thu P đối với Ông Nguyễn Văn A.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu P được ly hôn Ông Nguyễn Văn A. (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu P đối với Ông Nguyễn Văn A nên giấy chứng nhận kết hôn số 20/2003; Quyền số 01/2003 do UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26.02.2003 cho bà Nguyễn Thị Thu P và Ông Nguyễn Văn A không còn giá trị pháp lý*).

Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 20/07/1998, Nguyễn Thị Kim B, sinh ngày 16/11/2002 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/2005. Ly hôn, bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 là cháu Nguyễn Thị Kim B, cháu Nguyễn Văn Đ đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con chung Nguyễn Văn Đ cho bà Nguyễn Thị Thu P nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ hết bệnh tâm thần. Ông Nguyễn Văn A không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi vì cần thiết lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu P xác nhận vợ chồng bà không có tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu P khai không có nợ chung.

Nếu sau này Ông Nguyễn Văn A có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng Nguyễn Thị Thu P phải nộp nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp tại biên lai thu số 0007618 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đông,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

